

Bản án số: 185/2024/DS-ST
Ngày: 24 tháng 7 năm 2024
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

Ông Lý Khắc Chung

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 334/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 386/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T2 (JIVE). Trụ sở: Lầu A, Tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Taniguchi N – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đỗ Việt T, sinh năm 1987 – Nhân viên JIVE. Địa chỉ liên lạc: Lầu A, Tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ H, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và đại diện đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/11/2022 bà Nguyễn Thị T1 có k ý hợp đồng tín dụng số: 90180003362152000 với Công ty T2 (JIVF) vay số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay là mua xe, lãi suất 4.3500%/tháng, thời hạn vay 24 tháng, thỏa thuận hợp đồng tín dụng thì bà T1 trả cho Công ty T2 (JIVF) mỗi tháng số tiền là 1.371.161 đồng, ngày thanh toán bắt đầu từ ngày 12/12/2022. Từ ngày 12/12/2022 đến ngày 18/10/2023 bà T1 trả cho Công ty T2 (JIVF) tổng số tiền 15.092.000 đồng. (Trong đó, nợ gốc 6.829.057 đồng, lãi 8.127.718 đồng, lãi quá hạn 3.225 đồng, phí khoản lý khoản vay 132.000 đồng), từ sau ngày 18/10/2023 bà T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T2 (JIVF).

Công ty T2 (JIVF) yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Công ty T2 (JIVF) tổng số tiền 18.551.839 đồng, lãi tạm tính đến hết ngày 29/5/2024 (Trong đó, nợ gốc 13.170.943 đồng, lãi 4.339.064 đồng, lãi quá hạn 945.832 đồng, phí quản lý khoản vay 96.000 đồng) và yêu cầu bà T1 tiếp tục thanh toán tiền lãi sau ngày 29/5/2024 theo hợp đồng tín dụng số: 90180003362152000 ngày 10/11/2022.

Quá trình chuẩn bị xét xử, cũng như khi đưa vụ án ra xét xử bà Nguyễn Thị T1 đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa,

Ông Đỗ Việt T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn khởi kiện cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Công ty T2 (JIVE) khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 trả tiền do Ngân hàng cấp tín dụng là hợp đồng tín dụng về việc vay tài sản. Bà Nguyễn Thị T1 có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là

đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về tài liệu, chứng cứ:* Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các đương sự có mặt thống nhất các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và Tòa án đã thông báo kết quả phiên cho đương sự vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[1.3] *Về sự vắng mặt của đương sự:*

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] *Về yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn:*

Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình chuẩn bị xét xử, cũng như các lần Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa bà Nguyễn Thị T1 đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc không phản đối của bà Nguyễn Thị T1 là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra, căn cứ vào hợp đồng tín dụng số: 90180003362152000 ngày 10/11/2022 giữa JIVE và bà Nguyễn Thị Tuyết. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị T1 đã vay của JIVE tổng số tiền là 20.000.000đ nhưng chỉ thực hiện nghĩa vụ trả tiền được một phần là nợ gốc 6.829.057 đồng, còn nợ gốc là 13.170.943 đồng chưa thực hiện nghĩa vụ trả. Mặc dù chưa đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 12/11/2024 nhưng bà Nguyễn Thị T1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc, lãi từng tháng theo thỏa thuận từ ngày 18/10/2023 là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, cũng là điều kiện chấm dứt hợp đồng của bên vay. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị T1 trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 13.170.943đ (Mười triệu một trăm bảy mươi nghìn chín trăm bốn mươi ba đồng) là phù hợp.

[2.3] *Về lãi, lãi suất, phí*

Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định như sau: Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã

thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Căn cứ vào thỏa thuận trong hợp đồng thể hiện lãi suất các bên thỏa thuận như sau: Lãi suất trong hạn là 4,35%/tháng; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Hội đồng xét xử thấy rằng, việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị T1 trả tiền lãi chậm trả cho JIVE tạm tính từ ngày 18/10/2023 đến ngày 24/7/2024 là 7.088.884đ, trong đó lãi trong hạn là 5.393.895đ, lãi quá hạn là 1.694.989đ.

Đồng thời bà Nguyễn Thị T1 còn phải tiếp tục tính lãi kể từ ngày 25/7/2024 đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số: 90180003362152000 ngày 10/11/2022 giữa JIVE và bà Nguyễn Thị T1 trên số tiền nợ gốc chưa trả.

Về phí quản lý khoản vay, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa JIVE và bà Nguyễn Thị T1 có thỏa thuận nghĩa vụ trả phí phát sinh, JIVE có yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 trả phí quản lý khoản vay 96.000 đồng nhưng bà Nguyễn Thị T1 không phản đối, tính đến ngày xét xử phí quản lý là 120.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả tiền phí quản lý của nguyên đơn với số tiền 120.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp. Bà Nguyễn Thị T1 bị buộc chịu trách nhiệm trả 20.379.827đ (Hai mươi triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm hai mươi bảy đồng) nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.019.000đ (Một triệu không trăm mười chín đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 5 Điều 422 Bộ luật Dân Sự năm 2015;

Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T2 đối với bà Nguyễn Thị Tuyết .

Buộc bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm trả cho Công ty T2 Jaccs số tiền: 20.379.827đ (Hai mươi triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm hai mươi bảy đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 13.170.943đ (Mười triệu một trăm bảy mươi nghìn chín trăm bốn mươi ba đồng); tiền lãi là 7.088.884đ (Bảy triệu không trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi bốn đồng); Phí quản lý khoản vay 120.000đ (Một trăm hai mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị T1 tiếp tục trả lãi kể từ ngày 25/7/2024 đến khi thi hành án xong trên phần nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số: 90180003362152000 ngày 10/11/2012 giữa Công ty T2 và bà Nguyễn Thị Tuyết .

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 1.019.000đ (Một triệu không trăm mười chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty T2 số tiền 381.000đ (Ba trăm tám mươi một nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005354 ngày 07/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

3. Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án 15 hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15, đương sự có mặt tính kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Phú;
- TAND tỉnh An Giang;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Võ Văn Hòa